|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BCH ĐOÀN TP. HỒ CHÍ MINH** | |  |  | **ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH**  *Mẫu dành cho Đoàn tương đương* |  |  |  | |
| \*\*\* | |  |  |  |  |  |  | |
|  | |  |  | *TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018* |  |  |  | |
| **THANG ĐIỂM  ĐÁNH GIÁ THI ĐUA CÔNG TÁC ĐOÀN VÀ PHONG TRÀO THANH NIÊN** *(KHU VỰC ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG - TRUNG CẤP NĂM HỌC 2017 - 2018)* | | | | |  |  |  |
| ------------ | | | | |  |  |  |
|  | | | | |  |  |  |
| **Nội dung đánh giá** | **Điều kiện chấm điểm** | | **Điểm  tối đa** | **Yêu cầu minh chứng** |  |  |  | |
| **I. TIÊU CHÍ 1: CÔNG TÁC GIÁO DỤC (265 điểm)** | | | **265** |  |  |  |  | |
| **1. ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH  (50 điểm)** | 1. Có văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" trong năm học | | **2** | *Ban Tuyên giáo Thành Đoàn chấm điểm* |  |  |  | |
| 2. Có tổ chức (hoặc tham gia các lớp do nhà trường tổ chức) học tập 02 tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" và "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân", học tập các chuyên đề. | | **8** | Nêu hình thức học tập, số lượng cán bộ, đoàn viên, thanh niên tham gia:  + Học tập các tác phẩm: 4 điểm  + Học tập chuyên đề năm: 4 điểm |  |  |  | |
| 3. Tổ chức các đợt hoạt động sinh hoạt chính trị kỷ niệm 127 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1980 - 19/5/2017) và 106 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (05/6/1911 - 05/6/2017) theo Hướng dẫn số 112-HD/TĐTN-BTG ngày 26/4/2017 | | **10** | - Có triển khai: 3 đ. Không triển khai: trừ 1 điểm/ mỗi nội dung không triển khai  - Hình thức thực hiện tại đơn vị (nêu hình thức cụ thể của từng đợt, số lượng đoàn viên, thanh niên tham gia): 2 điểm/ nội dung. Tổng điểm: 6 điểm  - Đơn vị có báo cáo lồng ghép trong báo cáo tháng gửi về Thành Đoàn: 1 điểm. *Văn phòng Thành Đoàn chấm điểm* |  |  |  | |
| 4. Có tổ chức các hoạt động tạo môi trường để đoàn viên, thanh niên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh | | **20** | Tính theo tỷ lệ điểm đạt được của các mục đánh dấu (✪)  + Điểm từng mục đạt từ 90% - 100% (trên tổng điểm mỗi mục): 20 điểm  + Không đạt (dưới 90% điểm) mỗi mục: trừ 02 điểm/mục |  |  |  | |
| (✪)5. Tổ chức tuyên dương Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác tại đơn vị và giới thiệu đại biểu tuyên dương "Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác" cấp Thành | | **10** | - Tuyên dương tại đơn vị (6 điểm): nêu thời gian, hình thức và số lượng tuyên dương  *- Giới thiệu tuyên dương cấp Thành (4 điểm): Ban Tuyên giáo Thành Đoàn chấm điểm* |  |  |  | |
| **2. GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG (51 điểm)** | 1. Tổ chức Hội nghị, tọa đàm, diễn đàn để đoàn viên, thanh niên góp ý Văn kiện Đại hội Đoàn các cấp | | **5** | - Có tổ chức (nêu thời gian, địa điểm tổ chức): 4 điểm  - Đảm bảo gửi báo cáo tổng hợp về cấp Thành: 1đ. *Văn phòng Thành Đoàn chấm điểm* |  |  |  | |
| 2. Xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và tổ chức học tập, quán triệt tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đoàn đơn vị, cử cán bộ tham gia Hội nghị học tập cấp Thành theo triệu tập | | **10** | - Xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đoàn các cấp (2 đ): nêu số hiệu văn bản, ngày tháng năm ban hành và trích yếu  - Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đoàn (8 đ):*+ Tổ chức Hội nghị cấp trường: 4đ (có tổ chức: 2 điểm; có hình thức đánh giá kết quả học tập: 2 điểm*  *)+ Đảm bảo tham gia Hội nghị học tâp cấp thành, Trung ương (Hội nghị trực tuyến): 2đ (Ban Tuyên giáo Thành Đoàn chấm điểm)*  *+ Có giải pháp, sản phẩm tuyên truyền Nghị quyết đến đoàn viên, thanh niên: 2 điểm* |  |  |  | |
| 3. Công tác nắm bắt tình hình dư luận trong đoàn viên, thanh niên (14 điểm) | 1. Phát huy lực lượng nòng cốt và có giải pháp nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong đoàn viên, sinh viên, học sinh | **5** | - Thông tin số lượng, hình thức hoạt động, công tác tập huấn lực lượng nòng cốt (2 điểm)  - Liệt kê các giải pháp nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận (2 điểm)  - Kết quả thực hiện trong năm (1 điểm) |  |  |  | |
| 2. Đảm bảo báo cáo tình hình dư luận thanh niên hàng quý và kịp thời thông tin về tình hình thanh niên tại đơn vị. (quý 2,3,4/2017, quý 1/2018) | **4** | 1 điểm/quý. *Ban Tuyên giáo Thành Đoàn chấm điểm trên cơ sở tổng hợp của Ban* |  |  |  | |
| 3. Tổ chức diễn đàn "Nghe thanh niên nói, nói thanh niên nghe"; diễn đàn gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với đoàn viên, thanh niên. | **5** | - Có tổ chức (3 điểm): nêu thời gian, địa điểm. Không tổ chức: 0 điểm  - Kết quả giải quyết các kiến nghị, đề xuất của thanh niên sau diễn đàn, tọa đàm: 2 điểm |  |  |  | |
| 4. Các hoạt động nâng cao khả năng lý luận trong cán bộ Đoàn, đoàn viên, thanh niên.  (22 điểm) | (✪)1. Các hoạt động tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh | **10** | *- Tham gia Hội thi cấp Thành (tối đa 5đ): Ban TNTH chấm điểm*  - Tổ chức hoạt động tại cơ sở (5đ): nêu hình thức tổ chức, số lượng tham gia |  |  |  | |
| 2. Báo cáo thời sự cho đoàn viên, thanh niên *(hoặc tổ chức cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên tham gia nghe tình hình thời sự do cấp ủy, nhà trường tổ chức)*; sinh hoạt lý luận cho cán bộ Đoàn, phát huy đội ngũ báo cáo viên cơ sở. | **6** | - Có hình thức tổ chức nghe báo cáo tình hình thời sự (2 điểm): nêu thời gian, hình thức, số lượng tham gia. Không tổ chức: 0 điểm - Có tổ chức sinh hoạt lý luận cho cán bộ Đoàn (2 điểm): nêu hình thức, số lượng tham gia. Không tổ chức: 0 điểm  - Kết quả tập huấn, phát huy đội ngũ báo cáo viên của đơn vị, số lượng tham gia; số báo cáo viên hiện nay của đơn vị: 2 điểm |  |  |  | |
| 3. Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị kỷ niệm 100 năm Cách mạng tháng Mười Nga (07/11/1917 - 07/11/2017), 50 năm cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 | **6** | - Hình thức thực hiện tại đơn vị (nêu hình thức cụ thể của từng đợt, số đoàn viên, thanh niên tham gia): 3 điểm/ đợt, tối đa 6 điểm |  |  |  | |
| **3. GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG(50 điểm)** | (✪)1. Hoạt động giáo dục truyền thống (25 điểm) | 1. Có hoạt động giáo dục truyền thống, lịch sử dân tộc, truyền thống đơn vị, ngành nhân các đợt kỷ niệm, ngày lễ lớn | **15** | Nêu các hoạt động cụ thể (thời gian, địa điểm, hình thức tổ chức, số lượng tham gia): 03 điểm/hoạt động; tối đa 15 điểm. |  |  |  | |
| 2. Tổ chức cho ĐVTN thăm căn cứ Thành Đoàn thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, khu lưu niệm, không gian truyền thống do Thành Đoàn, Hội Sinh viên thực hiện... | **4** | - Có tổ chức (cụ thể thời gian, địa điểm, số lượng tham gia): 4 điểm - Không tổ chức: 0 điểm |  |  |  | |
| 3. Tổ chức hành trình về nguồn, hành trình đến với bảo tàng, thăm quan di tích lịch sử, khu căn cứ cách mạng… | **6** | - Nêu hoạt động cụ thể: 02 điểm/ hoạt động, tối đa 6 điểm |  |  |  | |
| 2. Hoạt động đền ơn đáp nghĩa (20 điểm) | 1. Tổ chức thăm hỏi, chăm sóc, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng. | **10** | - Nêu hoạt động cụ thể (nội dung thực hiện, thời gian, địa điểm): 5 điểm/ hoạt động, tối đa 10 điểm. |  |  |  | |
| 2. Tổ chức (hoặc tham gia) các hoạt động thắp nến tri ân, chăm sóc khuôn viên nghĩa trang, đền, bia tưởng niệm liệt sĩ. | **10** | - Thống kê các hoạt động, số Đoàn viên, thanh niên tham gia: 5 điểm/ hoạt động, tối đa 10 điểm. |  |  |  | |
| 3. Tham gia hoạt động thăm căn cứ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh TP. Hồ Chí Minh vào dịp Tết cổ truyền theo phân công | | **5** | - Căn cứ được phân công, nội dung tham gia |  |  |  | |
| **4. CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC - LỐI SỐNG (49 điểm)** | 1. Xây dựng các giá trị mẫu hình thanh niên thành phố (20 điểm) | 1. Có văn bản, hình thức triển khai nội dụng trọng tâm đến cơ sở trong năm học | **2** | - Nêu hình thức triển khai |  |  |  | |
| (✪)2. Tổ chức thực hiện tại đơn vị | **15** | - Hình thức tuyên truyền đến đoàn viên, thanh niên: 5 điểm  - Nêu kết quả hoạt động cụ thể triển khai, thực hiện theo từng khu vực, đối tượng (thuộc đơn vị). Minh chứng thêm số liệu. 5 điểm/01 hoạt động, tối đa 10 điểm |  |  |  | |
| (✪)3. Các giải pháp thực hiện cuộc vận động “Văn hóa đọc” trong đoàn viên, thanh niên | **3** | - Hình thức triển khai, nội dung, kết quả thực hiện |  |  |  | |
| 2. Chương trình “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam” (9 điểm) | 1. Có tổ chức chương trình cấp trường | **5** | - Kết quả (5 điểm/hoạt động, tối đa 5 điểm) |  |  |  | |
| 2. Hỗ trợ các trường THCS, THPT trên địa bàn tổ chức chương trình Thắp sáng ước mơ: | **4** | - Nêu cụ thể tên đơn vị hỗ trợ, kết quả thực hiện (2 điểm/hoạt động, tối đa 4 điểm) |  |  |  | |
| (✪)3. Giới thiệu, tuyên dương các gương điển hình (trừ điển hình "thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác" đã báo cáo ở trên) (15 điểm) | 1. Công tác tuyên dương và phát huy, nhân rộng các điển hình tiên tiến tại đơn vị | **10** | - Tổ chức tuyên dương: 08 điểm (Nội dung tuyên dương, số lượng tuyên dương)  - Công tác phát huy gương tuyên dương: 02 điểm |  |  |  | |
| 2. Giới thiệu gương điển hình tuyên dương các danh hiệu, giải thưởng cấp Thành. | **5** | *Ban TNTH Thành Đoàn chấm* |  |  |  | |
| 4. Có giải pháp xây dựng và triển khai "Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp" trong đoàn viên thanh niên (5 điểm) | | **5** | - Nội dung, hình thức, kết quả thực hiện (5 điểm/giải pháp, tối đa 5 điểm) |  |  |  | |
| **5. GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (45 điểm)** | 1. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức “Ngày pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. | | **10** | - Thời gian, nội dung, hình thức, kết quả thực hiện (10 điểm/ hoạt động, tối đa 10 điểm) |  |  |  | |
| 2. Tham gia các hội thi liên quan đến pháp luật do cấp Thành tổ chức. | | **10** | *Ban Tuyên giáo Thành Đoàn chấm điểm* |  |  |  | |
| 3. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền pháp luật cho ĐVTN (30 điểm) | 1. Vận động ĐVTN thực hiện tốt nội quy, quy chế học tập, thi cử tại trường | **10** | - Nội dung thực hiện (3 điểm)  - Phương thức tổ chức (3 điểm)  - Kết quả đạt được (4 điểm) |  |  |  | |
| 2. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục Luật thi hành NVQS, Luật giao thông đường bộ, các Luật liên quan đến chuyên ngành học, công tác hoặc các hoạt động khác do đơn vị chủ động tổ chức *(không bao gồm hoạt động trong khuôn khổ Ngày pháp luật Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã báo cáo ở trên)* | **15** | - Liệt kê cụ thể: tên, thời gian, nội dung, kết quả:  5 điểm/hoạt động. Tối đa 15 điểm |  |  |  | |
| **6. CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ GIÁO DỤC (20 điểm)** | 1. Giải pháp triển khai nhằm tăng cường công tác tuyên truyền giới thiệu hình ảnh, hoạt động của tổ chức Đoàn, của đơn vị đến đoàn viên, thanh niên (10 điểm) | - Tham gia đăng tin bài cấp Thành: 2 điểm  - Phương thức tổ chức cấp trường: 8 điểm. | **10** | *- Thống kê số lượng bài viết gửi cấp Thành: Ban Tuyên giáo Thành Đoàn chấm điểm (2 điểm)* - Giải pháp, hình thức, kết quả triển khai thực hiện tại đơn vị (4 điểm/ hoạt động, tối đa 8 điểm) |  |  |  | |
| 2. Giải pháp đánh giá hiệu quả hoạt động công tác giáo dục của Đoàn | | **5** | - Nêu giải pháp, cách làm (5 điểm/ giải pháp, tối đa 5 điểm) |  |  |  | |
| 3. Tổ chức các hình thức, hoạt động tuyên truyền Đại hội Đoàn các cấp. | | **5** | - Liệt kê hình thức, sản phẩm tuyên truyền, các hoạt động tuyên truyền và kết quả (5 điểm/ hoạt động, tối đa 5 điểm) |  |  |  | |
| **II. TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO (265 điểm)** | | | **265** |  |  |  |  | |
| **1. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG PHÁT HUY THANH NIÊN TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (119 điểm)** | 1. Phong trào Tuổi trẻ xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (43 điểm) | (✪) 1. Có giải pháp thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Nhà giáo trẻ tiêu biểu" | **10** | - Có hình thức triển khai trong năm học: 1 điểm - Tỷ lệ đăng ký tham gia: 1 điểm - Liệt kê các hoạt động tạo môi trường, phát huy các điển hình: 4 điểm/hoạt động, tối đa 8 điểm |  |  |  | |
| (✪) 2. Có giải pháp triển khai hiệu quả phong trào “Sinh viên 5 tốt” (đối với các trường Đại học, Cao đẳng), “Học sinh 3 rèn luyện” (đối với các trường có đào tạo trung cấp), “Học sinh 3 tích cực” (đối với trường có đào tạo hệ THPT) | **8** | - Có hình thức triển khai trong năm học: 1 điểm - Tỷ lệ đăng ký tham gia: 1 điểm - Liệt kê các hoạt động tạo môi trường, phát huy các điển hình: 3 điểm/hoạt động, tối đa 6 điểm |  |  |  | |
| 3. Có giải pháp cùng với Nhà trường trong xây dựng trường học, lớp học văn minh, giữ gìn, bảo vệ an ninh, trật tự trong nhà trường; phối hợp với chính quyền, các tổ chức đoàn thể giữ gìn an ninh trật tự tại địa bàn trường trú đóng | **9** | - Liệt kê hoạt động, giải pháp cụ thể tại trường, hiệu quả đạt được: 3 điểm /hoạt động, giải pháp. Tối đa 9 điểm |  |  |  | |
| 4. Hoạt động tham gia xây dựng nông thôn mới, tham gia xây dựng văn minh đô thị trên địa bàn thành phố | **5** | - Có hình thức triển khai: 1 điểm- Liệt kê hoạt động được triển khai : 4 điểm (2 điểm/ hoạt động) |  |  |  | |
| 5. Hoạt động tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông, xây dựng văn hóa giao thông trong sinh viên, học sinh | **5** | - Có hình thức triển khai: 1 điểm - Liệt kê hoạt động được triển khai: 4 điểm (2 điểm/ hoạt động) |  |  |  | |
| 6. Có giải pháp thực hiện chương trình hành động "Tuổi trẻ Thành phố vì biên giới, biển đảo" | **6** | - Liệt kê các hoạt động tổ chức (3 điểm/ hoạt động, tối đa 6 điểm) |  |  |  | |
| 2. Phong trào Thanh niên tình nguyện (37 điểm) | 1. Tổ chức các chương trình, chiến dịch tình nguyện: - Chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh - Chiến dịch Xuân tình nguyện - Chương trình Tiếp sức mùa thi, Tiếp sức đến trường | **15** | *Ban Thanh niên trường học chấm điểm* |  |  |  | |
| 2. Duy trì được chương trình "30 phút vì Thành phố xanh - sạch - đẹp", các hoạt động vệ sinh môi trường định kỳ tại trường học, KTX - Đơn vị tổ chức hoặc tham gia thực hiện các hoạt động BVMT trên địa bàn Thành phố | **6** | - Đối với hoạt động tại trường, Ký túc xá: 2 điểm/ hoạt động, tối đa 4 điểm  - Đối với các hoạt động khác trên địa bàn thành phố: 2 điểm/ hoạt động, tối đa 6 điểm |  |  |  | |
| 3. Hoạt động hiến máu tình nguyện, hoạt động tình nguyện tại bệnh viện, chăm lo cho người dân, thanh thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, hoạt động tình nguyện gắn với chuyên môn, các hoạt động tình nguyện thường xuyên khác tại đơn vị | **6** | - 2 điểm/ hoạt động, tối đa 6 điểm. Không tính các hoạt động tình nguyện hè đã nêu ở phần II.1.2.2 |  |  |  | |
| 4. Phấn đấu mỗi **đoàn viên, sinh viên** tham gia ít nhất 02 hoạt động tình nguyện/năm học | **5** | Đạt từ 90% trở lên: 5 điểm; từ 60% đến dưới 90%: 4 điểm; Dưới 60%: 3 điểm (Tính trên tổng số đoàn viên) |  |  |  | |
| 5. Kết nối, tập hợp và tổ chức hoạt động cho các nhóm tình nguyện ngoài tổ chức Đoàn - Hội | **3** | - Có giải pháp, nêu kết quả (tên tổ chức, nhóm được kết nối; hoạt động đã tổ chức…) (3 điểm/giải pháp, tối đa 3 diểm) |  |  |  | |
| 6. Có giải pháp, sản phẩmtuyên truyền nhân kỷ niệm 10 năm Chiến dịch Xuân Tình nguyện | **2** | - Liệt kê giải pháp (1 điểm/ giải pháp), kể tên sản phẩm (1điểm/ sản phẩm). Tối đa 2 điểm |  |  |  | |
| 3. Phong trào Tuổi trẻ sáng tạo (39 điểm) | 1. Tổ chức, phối hợp hoặc tham gia tổ chức hội nghị chuyên đề phương pháp nghiên cứu khoa học, các hội thảo, hội nghị nghiên cứu khoa học cấp khoa, cấp trường, các tọa đàm, diễn đàn đổi mới phương pháp dạy và học | **6** | - Liệt kê hoạt động cụ thể tại trường: 2 điểm/hoạt động. Tối đa 6 điểm |  |  |  | |
| 2. Tổ chức hoặc tham gia tổ chức các cuộc thi, hội thi sáng tạo, thi ý tưởng sáng tạo cho đoàn viên, thanh niên tại đơn vị | **10** | - Cấp trường (6 điểm): văn bản triển khai, tên, thời gian tổ chức, kết quả  - Cấp khoa (4 điểm): nêu tên ít nhất 02 hoạt động nổi bật |  |  |  | |
| 2. Triển khai hoặc tham gia thực hiện chương trình "Tri thức trẻ góp sức thực hiện các chương trình đột phá", chương trình "Tri thức, khoa học trẻ tình nguyện" | **5** | - Liệt kê hoạt động cụ thể tại trường hoặc hoạt động tham gia cấp Thành, số đoàn viên, thanh niên tham gia (5 điểm/ hoạt động) |  |  |  | |
| 3. Tuyên truyền vận, vận động đoàn viên thanh niên tham gia chương trình "Tri thức trẻ vì giáo dục" do Trung ương Đoàn phát động | **4** | - Có tổ chức tuyên truyền vận động: nêu hình thức cụ thể (2 điểm) *- Có gửi bài tham gia (2 điểm): Ban TNTH Thành Đoàn chấm điểm* |  |  |  | |
| 4. Tham gia hiệu quả cuộc thi Ý tưởng sáng tạo thanh thiếu niên thành phố, Liên hoan tuổi trẻ sáng tạo, Ngày sinh viên sáng tạo, Diễn đàn khoa học sinh viên quốc tế; Có đề tài tham gia chương trình Vườn ươm khoa học công nghệ trẻ | **10** | *Ban TNTH Thành Đoàn và Trung tâm Phát triển Khoa học Công nghệ trẻ phối hợp đánh giá, chấm điểm* |  |  |  | |
| 5. Có giải pháp tạo môi trường, khuyến khích, hỗ trợ kinh phí cho đoàn viên thanh niên phát huy tính sáng tạo tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia các hội thi, giải thưởng cấp thành phố trở lên; phối hợp với các tổ chức, cá nhân hỗ trợ hiện thực hóa ý tưởng sáng tạo của đoàn viên, sinh viên | **4** | - Liệt kê hoạt động cụ thể tại trường, hiệu quả đạt được, liệt kê một số trường hợp cụ thể đã được hỗ trợ, kết nối hỗ trợ (2 điểm/ hoạt động, tối đa 4 diểm) |  |  |  | |
| **2. CHƯƠNG TRÌNH ĐỒNG HÀNH, HỖ TRỢ THANH NIÊN  (91 điểm)** | 1. Chương trình đồng hành với thanh niên trong học tập, nghiên cứu khoa học, làm chủ khoa học công nghệ (36 điểm) | 1. Giải pháp hỗ trợ sinh viên về điều kiện học tập:  - Các hoạt động giới thiệu học bổng, trao học bổng cho sinh viên;  - Tham mưu cơ chế nhà trường hỗ trợ cho sinh viên;  - Có Trung tâm hỗ trợ sinh viên hoặc bộ phận hỗ trợ sinh viên.  - Tham gia hoạt động tham quan các khu công nghệ cao, công trình trọng điểm của thành phố;  - Các hoạt động đặc thù của đơn vị. | **15** | Liệt kê hoạt động cụ thể, kết quả đạt được: 3 điểm/hoạt động. Tối đa 15 điểm |  |  |  | |
| 2. Giải pháp khuyến khích, tạo môi trường tích cực cho sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học | **21** | - Giải pháp duy trì, củng cố và đẩy mạnh hoạt động của các câu lạc bộ học thuật: *Tỷ lệ cơ sở Đoàn có CLB học thuật, liệt kê tên các CLB, số lượng thành viên, thời gian sinh hoạt định kỳ, hoạt động tiêu biểu*  - Tổ chức các hội thi học thuật cấp khoa, trường: *Liệt kê tên, số ĐVTN tham gia*  - Tham gia Hội thi “Học sinh, sinh viên giỏi nghề” cấp thành, hội thi chuyên môn tại đơn vị (đối với các trường Cao đẳng , TCCN) hoặc tham gia giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka” (đối với các trường Đại học): *Ban TNTH Thành Đoàn phối hợp với TT PT KH và CN trẻ chấm điểm (3 điểm)*  - Hoạt động khuyến khích sinh viên học tập ngoại ngữ, tin học, hỗ trợ sinh viên tiếp cận công nghệ mới, làm chủ công nghệ: *liệt kê hoạt động, kết quả*  - Các hoạt động phù hợp đặc thù của đơn vị: *liệt kê hoạt động, kết quả*  ***(3 điểm/ hoạt động)*** |  |  |  | |
| 2. Chương trình đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp (25 điểm) | 1. Hoạt động hướng nghiệp, giới thiệu thực tập thường xuyên cho sinh viên | **10** | Liệt kê hoạt động cụ thể, kết quả đạt được: 5 điểm/hoạt động. Tối đa 10 điểm |  |  |  | |
| 2. Tổ chức ngày hội việc làm, giới thiệu việc làm cho sinh viên; giới thiệu sinh viên tham gia các ngày hội cấp Thành tổ chức: Sàn giao dịch việc làm, Ngày hội hướng nghiệp dạy nghề, Ngày hội kết nối doanh nghiệp,…) | **10** | - Giới thiệu và tổ chức cho sinh viên tham gia tốt các hoạt động cấp thành: 4 điểm  - Tổ chức hoạt động tại cơ sở (nêu hoạt động, kết quả): 2 điểm/hoạt động. Tối đa 6 điểm |  |  |  | |
| 3. Hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp (tuyên truyền về khởi nghiệp; tổ chức, giới thiệu sinh viên tham gia các tọa đàm, thành lập chuyên mục khởi nghiệp, hỗ trợ thông tin khởi nghiệp cho sinh viên, tổ chức các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp tại trường; tham gia các cuộc thi cấp Thành...), hoạt động hỗ trợ nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. | **5** | \* Đối với các đơn vị có chuyên môn, ngành học phù hợp:  - Liệt kê hoạt động tại đơn vị (nêu tên, thời gian, nội dung, kết quả): 3 điểm  - Tham gia cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp "Startup Wheel"; "Start-up Student Ideas": 2 điểm  \* Đối với các đơn vị không có chuyên môn, ngành học phù hợp: liệt kê hoạt động cụ thể gắn với việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho công việc: 5 điểm |  |  |  | |
| 3. Chương trình đồng hành với thanh niên phát triển kỹ năng thực hành xã hội, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần (30 điểm) | 1.Hoạt động giới thiệu nhà trọ cho sinh viên, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống | **6** | Nêu kết quả thực hiện trong năm (2 điểm/ hoạt động, tối đa 6 điểm) |  |  |  | |
| 2. Hoạt động thể dục thể thao: phát động sinh viên tự rèn luyện sức khỏe, học và biết chơi ít nhất 1 môn thể thao | **5** | - Hoạt động cấp trường (3 điểm): nêu tên, thời gian, số lượng tham gia  - Hoạt động cấp cơ sở (2 điểm): (1 điểm/ hoạt động, tối đa 2 điểm) |  |  |  | |
| 3. Hoạt động văn hóa văn nghệ | **5** | - Hoạt động cấp trường (3 điểm): nêu tên, thời gian, số lượng tham gia  - Hoạt động cấp cơ sở (2 điểm): 1 điểm/ hoạt động, tối đa 2 điểm |  |  |  | |
| 4. Hoạt động đồng hành với sinh viên, học sinh nâng cao kỹ năng thực hành xã hội | **14** | - Tổ chức các khóa học, các hoạt động trang bị kỹ năng thực hành xã hội cho học sinh sinh viên đơn vị: *hoạt động cấp trường (2 điểm), 03 hoạt động của cơ sở* (1 điểm/ hoạt động, tối đa 3 điểm)  - Tổ chức tốt các hoạt động dã ngoại, trại kỹ năng, trại rèn luyện cho học sinh, sinh viên: *nêu tên hoạt động, số lượng tham gia, kết quả* (3 điểm/ hoạt động, tối đa 3 điểm)- Thành lập mới hoặc duy trì, củng cố và đẩy mạnh hoạt động của các câu lạc bộ kỹ năng, sở thích cấp trường: *nêu tên câu lạc bộ duy trì, thành lập mới* (4 điểm/ nội dung, tối đa 4 điểm)- Giới thiệu SV tham gia các hoạt động cấp thành, các hoạt động do Nhà Văn hóa Thanh niên, Nhà Văn hóa Sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ học sinh - sinh viên tổ chức (2 điểm) |  |  |  | |
| **3. CÔNG TÁC QUỐC TẾ THANH NIÊN (15 điểm)** | Hoạt động quốc tế thanh niên | 1. Có giải pháp hỗ trợ học sinh, sinh viên nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tìm hiểu văn hóa các nước | **5** | Liệt kê ít nhất 02 hoạt động, giải pháp, kết quả (Thiếu 1 hoạt động trừ 3 điểm) |  |  |  | |
| 2. Tổ chức các hoạt động hợp tác, giao lưu quốc tế tại đơn vị, các hoạt động hỗ trợ khách du lịch nước ngoài, mời gọi sinh viên nước ngoài tham gia hoạt động của đơn vị… | **5** | Liệt kê ít nhất 02 hoạt động, giải pháp, kết quả ( Thiếu 1 hoạt động trừ 3 điểm) |  |  |  | |
| 3. Thực hiện và sử dụng hiệu quả các sản phẩm truyên truyền về công tác quốc tế thanh niên tại đơn vị | **2** | 2 điểm/ sản phẩm, tối đa 2 điểm |  |  |  | |
| 4. Tổ chức các hoạt động trang bị kiến thức, kỹ năng hội nhập quốc tế cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên | **3** | Liệt kê hoạt động, kết quả (3 điểm/ hoạt động, tối đa 3 điểm) |  |  |  | |
| **4. THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH THANH NIÊN (30 điểm)** | 1. Thực hiện công trình thanh niên cấp trường | - Thực hiện hồ sơ đăng ký CTTN: 2 điểm (gửi trễ hoặc không gửi hồ sơ: 0 điểm). - Thực hiện hồ sơ nghiệm thu, công nhận CTTN: 3 điểm (gửi trễ hoặc không gửi hồ sơ: 0 điểm). - Hoàn thành CTTN: 10 điểm (dựa trên tỷ lệ số lượng CTTN hoàn thành/CTTN đăng ký) | **15** | Do Ban Kiểm tra phối hợp Ban phụ trách tổng hợp, đánh giá trên cơ sở hồ sơ CTTN của đơn vị |  |  |  | |
| 2. Thực hiện công trình thanh niên cấp cơ sở | - 100% Đoàn cơ sở có CTTN: 10 điểm. (Tỷ lệ 80% - ↓100%: 8 điểm; 50%-↓80%: 5 điểm. Dưới 50% không tính điểm).- Có thực hiện thẩm định, công nhận, bình chọn CTTN tiêu biểu cấp cơ sở: 5 điểm | **15** | - Thống kê tỷ lệ cơ sở Đoàn hoàn thành CTTN.- Danh sách CTTN được công nhận hoàn thành (đính kèm văn bản).- Quyết định công nhận CTTN tiêu biểu.- Hình ảnh/đường link/sản phẩm minh chứng. |  |  |  | |
| **5. CHƯƠNG TRÌNH VÌ ĐÀN EM (10 điểm)** | - Tổ chức các hoạt động chăm lo, tặng học bổng hỗ trợ học tập cho thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn; phối hợp, hỗ trợ Hội Sinh viên trường thực hiện chương trình 1+1 | | **4** | Liệt kê hoạt động, kết quả ( 4 điểm/ hoạt động, tối đa 4 diểm) |  |  |  | |
| - Phát huy chuyên môn của giảng viên, sinh viên trong tổ chức các hoạt động hỗ trợ thiếu nhi | | **2** | Liệt kê giải pháp, kết quả (2 điểm/ hoạt động, tối đa 2 diểm) |  |  |  | |
| - Hỗ trợ thành lập các câu lạc bộ “Em yêu khoa học”, hỗ trợ thực hiện các công trình măng non, duy trì tổ chức các sân chơi cho thiếu thiếu nhi trên địa bàn trường trú đóng | | **4** | Liệt kê hoạt động hỗ trợ (4 điểm/ hoạt động, tối đa 4 diểm) |  |  |  | |
| **III. TIÊU CHÍ 3: CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐOÀN VÀ TẬP HỢP THANH NIÊN (270 điểm)** | | | **270** | 270 |  |  |  | |
| **1. Công tác xây dựng Hội Việt Nam, thực hiện vai trò nòng cốt trong xây dựng Hội (30 điểm)** | **Công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2017 - 2018** | | **30** | Đánh giá của Ban Thư ký Hội Sinh viên Việt Nam Thành phố: - Xuất sắc: 30 điểm  - Còn lại: Lấy kết quả tỷ lệ điểm công tác Hội và phong trào thanh niên năm học 2017 - 2018 theo đánh giá Ban Thư ký Hội Sinh viên Thành phố : (30 x Tổng điểm Hội)/1000 |  |  |  | |
| **2. Công tác tập hợp thanh niên (20 điểm)** | 1. Công tác tập hợp thanh niên (15 điểm) | 1.Củng cố và phát triển các câu lạc bộ, đội nhóm | **10** | - Số lượng CLB - đội - nhóm: Do các khoa, lớp quản lý: liệt kê tên, số lượng thành viên (Tỷ lệ các khoa có CLB - Đội - nhóm: 100%: 7đ, 80-↓100%: 5đ, 60-↓80%: 2đ, ↓60%:0đ)  - Số lượng CLB thuộc Đoàn - Hội Sinh viên trường quản lý (liệt kê tên, số lượng sinh viên, nêu một số hoạt động nổi bật): 3 điểm |  |  |  | |
| 2. Củng cố, duy trì hoạt động đoàn, hội tại các lớp (5 điểm) | **5** | - Nêu giải pháp, hoạt động cụ thể- Số chi đoàn, chi hội được củng cố nâng chất.- Số chi đoàn, câu lạc bộ giải thể trong năm |  |  |  | |
| 2. Tỷ lệ tập hợp thanh niên năm học | | **5** | 100%:5đ, 80%-↓100%:4đ, 60%-↓80%:3đ, 40%-↓60%:2đ, ↓40%: 0đ |  |  |  | |
| **3. Xây dựng Đoàn về tư tưởng chính trị  (30 điểm)** | 1. Tổ chức học tập 6 bài lý luận chính trị sửa đổi, bổ sung (10 điểm) | 1. Hình thức triển khai và công nhận học tập 6 bài lý luận chính sửa đổi, bổ sung. | **5** | - Nêu cụ thể hình thức triển khai, học tập, hình thức công nhận |  |  |  | |
| 2.Tỷ lệ Đoàn viên hoàn thành 6 bài lý luận chính trị sửa đổi, bổ sung | **5** | - Tỷ lệ đoàn viên hoàn thành/ tổng số đoàn viên của đơn vị (tỉ lệ 90% - 100%: 5 điểm; 80% -↓90%: 3 điểm. Dưới 80% không tính điểm) |  |  |  | |
| 2. Sinh hoạt chi đoàn chủ điểm trong năm. (15 điểm) | 1. Tỷ lệ Chi đoàn tổ chức sinh hoạt Chi đoàn chủ điểm | **5** | - Số chi đoàn tổ chức sinh hoạt chi đoàn chủ điểm/ Tổng số chi đoàn. - Số đoàn viên tham gia/ Tổng số đoàn viên theo từng đợt (thống kê cụ thể cả 2 đợt). - Số chi đoàn không tổ chức sinh hoạt (nếu có, lý do).  (tỉ lệ 90% - 100%: 5 điểm; 80% -↓90%: 3 điểm. Dưới 80% không tính điểm) |  |  |  | |
| 2. Nội dung, hình thức sinh hoạt chi đoàn chủ điểm | **10** | - Nêu cụ thể nội dung, hình thức triển khai, tổ chức sinh hoạt, các hoạt động sau sinh hoạt trong từng đợt. (5 điểm/nội dung, tối đa 10 điểm) |  |  |  | |
| 3. Hoạt động CLB Lý luận trẻ (5 điểm) | Có biện pháp duy trì, củng cố, nâng chất hoạt động CLB Lý luận trẻ | **5** | - Phương thức duy trì hoạt động. (3 điểm) - Phương thức củng cố, nâng chất câu lạc bộ (2 điểm) |  |  |  | |
| **4. Xây dựng Đoàn về tổ chức (70 điểm)** | 1. Công tác đoàn viên (40 điểm) | 1. Công tác quản lý đoàn viên | **10** | - Thực hiện tốt công tác quản lý đoàn viên: 5 điểm - Kết quả triển khai phần mềm quản lý đoàn viên: 5 điểm *(Văn phòng Thành Đoàn chấm)* |  |  |  | |
| 2. Triển khai thực hiện chương trình rèn luyện Đoàn viên | **15** | - Giải pháp triển khai, hình thức công nhận: 5 điểm. - Tỷ lệ đoàn viên được công nhận /Tỷ lệ đoàn viên đăng kí (Tỷ lệ 90% - 100%: 10 điểm; 80%-↓90%: 8 điểm; Dưới 80%: không tính điểm) |  |  |  | |
| 3. Thực hiện công tác phát triển đoàn viên mới | **10** | - Số lượng và quy trình phát triển đoàn viên mới, tỷ lệ đoàn viên được trao thẻ Đoàn |  |  |  | |
| 4. Giải pháp nâng cao chất lượng đoàn viên | **5** | Liệt kê giải pháp, kết quả (5 điểm/ hoạt động, tối đa 5 điểm) |  |  |  | |
| 2. Công tác Chi đoàn, Đoàn cơ sở (30 điểm) | 1. Duy trì sinh hoạt chi đoàn định kỳ | **15** | - Nội dung, hình thức sinh hoạt; liệt kê nội dung sinh hoạt của ít nhất 5 chi đoàn tiêu biểu: 10 điểm.- Tỷ lệ Chi đoàn tổ chức sinh hoạt Chi đoàn định kỳ (Tỷ lệ 90% - 100%: 5 điểm; 80%-↓90%: 3 điểm. Dưới 80% không tính điểm) |  |  |  | |
| 2. Xây dựng chi đoàn vững mạnh theo 3 tiêu chí “3 nắm – 3 biết – 3 làm”. | **10** | - Phương thức, kết quả triển khai thực hiện (5 điểm) - Tổ chức tuyên dương Chi đoàn vững mạnh theo 3 tiêu chí (5 điểm) |  |  |  | |
| 4. Thực hiện đánh giá chất lượng cơ sở Đoàn trực thuộc đảm bảo tiến độ | **5** | - Kết quả đánh giá chất lượng cơ sở Đoàn trực thuộc (hoàn thành trước khi cấp Thành kiểm tra, đánh giá). |  |  |  | |
| **5. Công tác cán bộ (50 điểm)** | 1. Công tác quy hoạch cán bộ Đoàn các cấp (10 điểm) | - Có giải pháp cụ thể trong triển khai công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ tại đơn vị | **10** | - Liệt kê các giải pháp cụ thể và kết quả thực hiện (5 điểm/ giải pháp, tối đa 10 điểm) |  |  |  | |
| 2. Hoạt động chăm lo cho cán bộ Đoàn trực thuộc đơn vị (các điều kiện, cơ sở vật chất, nguồn lực cho cán bộ Đoàn thực hiện tốt nhiệm vụ; hỗ trợ cán bộ Đoàn có hoàn cảnh khó khăn...) | | **6** | - Số lượng, nội dung chăm lo (3 điểm/ hoạt động, tối đa 6 điểm) |  |  |  | |
| 3. Tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ Đoàn tại đơn vị trong đó có quan tâm đến cán bộ đoàn mới nhận nhiệm vụ sau đại hội (15 điểm) | - Tham gia tập huấn cấp thành: 5 điểm - Cấp trường tổ chức tập huấn: 10 điểm | **15** | - Liệt kê kết quả tham gia cấp thành - Thời gian, địa điểm, nội dung tập huấn cấp trường, số cán bộ Đoàn được tập huấn |  |  |  | |
| 4. Thực hiện Cuộc vận động xây dựng phong cách Cán bộ Đoàn năm học 2017 - 2018 (19 điểm) | 1. Xây dựng văn bản triển khai cuộc vận động phong cách cán bộ Đoàn KH của cấp Thành | **2** | *- Ban tổ chức Thành Đoàn chấm điểm* |  |  |  | |
| 2. Kết quả thực hiện cuộc vận động trong năm học | **15** | - Giải pháp thực hiện cuộc vận động gắn với các tiêu chí: 4 điểm  - Có giải pháp tuyên truyền cuộc vận động: 3 điểm - Công tác tuyên dương, hình thức tuyên dương: 4 điểm  - Giải pháp giám sát thực hiện cuộc vận động: 4 điểm |  |  |  | |
| 3. Tổ chức sơ kết thực hiện cuộc vận động giai đoạn 2013 - 2017 (theo TB số 2961-TB/TĐTN-BTC ngày 18/4/2017) | **2** | - Thời gian, phương thức tổ chức |  |  |  | |
| **6. Đoàn tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền(35 điểm)** | 1. Kết quả công tác bồi dưỡng, giới thiệu ĐVƯT cho Đảng xem xét, kết nạp. (20 điểm) | | **20** | 1. Số liệu theo nguồn của Đảng ủy Trường trong năm học1. Đối với tỷ lệ 30% đoàn viên ưu tú phát triển Đảng: đánh giá theo tỷ lệ % kết quả đạt được (30%-25%: 10 điểm, 25%-20%: 8 điểm, 20%-15%: 6 điểm, 15%-10%: 4 điểm, dưới 10%: 0 điểm)  2. Đối với tỷ lệ 70% đảng viên mới được kết nạp từ đoàn viên ưu tú: đánh giá theo tỷ lệ % kết quả đạt được (70%-65%: 10 điểm, 65%-60%: 8 điểm, 60%-55%: 6 điểm, 55%-50%: 4 điểm, dưới 50%: 0 điểm) |  |  |  | |
| 2. Hoạt động tạo môi trường rèn luyện cho ĐVƯT, Đảng viên trẻ; nâng cao chất lượng ĐVƯT, Đảng viên trẻ (15 điểm) | Thành lập mới hoặc các hoạt động nâng chất, củng cố hoạt động các nhóm trung kiên, nhóm tu dưỡng, rèn luyện Phát huy ĐVUT, Đảng viên trẻ trong các hoạt động phong trào | **15** | - Đối với đơn vị thành lập mới: Quyết định thành lập, nội dung hoạt động trong năm. (10 điểm) - Các đơn vị đã thành lập: nêu giải pháp nâng chất, nội dung, hình thức hoạt động, số lượng thành viên (10 điểm)  - Giải pháp phát huy ĐVƯT, đảng viên trẻ (5 điểm) |  |  |  | |
| **7. Công tác kiểm tra, giám sát (35 điểm)** | 1. Xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm học | | **5** | *Do Ban Kiểm tra tổng hợp, đánh giá* |  |  |  | |
| 2. Thực hiện nội dung tổng kết công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ | | **5** | *Do Ban Kiểm tra tổng hợp, đánh giá* |  |  |  | |
| 3. Thực hiện báo cáo học kỳ I (1 điểm); Báo cáo tổng kết năm về công tác kiểm tra, giám sát (2 điểm) | | **3** | *Do Ban Kiểm tra tổng hợp, đánh giá* |  |  |  | |
| 4. Tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra (2 điểm), đảm bảo hoạt động bộ máy UBKT (2 điểm). Tham gia tập huấn công tác kiểm tra cấp thành (2 điểm) | | **6** | - Nêu thời gian, địa điểm, số lượng cán bộ được tập huấn  - Số lượng Ủy viên UBKT hiện tại so với Đề án. Kết quả kiện toàn UBKT Đoàn Trường trong năm học (nếu có).  - Tham gia tập huấn cấp thành: *Do Ban Kiểm tra tổng hợp, đánh giá* |  |  |  | |
| 5. Triển khai thực hiện Hướng dẫn số 56-HD/TĐTN-BKT của Ban Thường vụ Thành Đoàn về thực hiện Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng và chính quyền. | | **4** | - Số hiệu văn bản triển khai: 1 điểm  - Phương thức triển khai: 2 điểm  - Kết quả thực hiện:1 điểm |  |  |  | |
| 6. Kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất: có kiểm tra việc thực hiện chương trình công tác năm; có kiểm tra, làm việc với cơ sở theo học kỳ và năm học; các nội dung kiểm tra đột xuất (nếu có) | | **4** | - Số đợt kiểm tra/số cơ sở Đoàn được kiểm tra định kỳ; - Số đợt kiểm tra đột xuất (nếu có) |  |  |  | |
| 7. Kiểm tra chuyên đề ít nhất 2 lần/năm (01 chuyên đề/2 điểm) | | **4** | Do Ban Kiểm tra tổng hợp, đánh giá |  |  |  | |
| 8. Giám sát 01 chuyên đề trong năm | | **2** | Do Ban Kiểm tra tổng hợp, đánh giá |  |  |  | |
| 9. Hiệu quả tham mưu sau kiểm tra, giám sát. | | **2** | - Hình thức tổ chức rút kinh nghiệm sau kiểm tra, giám sát.  - Biện pháp khắc phục các lưu ý sau kiểm tra, giám sát. |  |  |  | |
| **IV. TIÊU CHÍ 4: CÔNG TÁC THAM MƯU - PHỐI HỢP - CHỈ ĐẠO (100 điểm)** | | | **100** |  |  |  |  | |
| **1. Thực hiện hiệu quả chủ đề năm (20 điểm)** | -Thực hiện hiệu quả chủ đề năm 2017 - Thực hiện hiệu quả chủ đề năm 2018 | | **20** | - Giải pháp tuyên truyền, quán triệt: 5 điểm - Giải pháp tiêu biểu: 5 điểm/giải pháp. Tối đa 15 điểm (Chỉ nêu được giải pháp ở 01 chủ đề tối đa 10 điểm) |  |  |  | |
| **2. Công tác tham mưu(10 điểm)** | 1. Tham mưu cấp ủy về công tác lãnh, chỉ đạo hoạt động Đoàn trong năm học | | **5** | - Liệt kê các nội dung đã tham mưu |  |  |  | |
| 2. Tham mưu cho cấp ủy, lãnh đạo đơn vị về cơ chế, chính sách, điều kiện thuận lợi cho cán bộ Đoàn - Hội thực hiện nhiệm vụ | | **5** | - Tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng… đối với cán bộ Đoàn tương đương và cơ sở.  - Nội dung hỗ trợ chi đoàn, chi hội. |  |  |  | |
| **3. Công tác phối hợp  (20 điểm)** | 1. Phối hợp với các phòng ban tại đơn vị | | **8** | - Liệt kê các nội dung phối hợp, kết quả thực hiện (4 điểm/ hoạt động, tối đa 8 điểm) |  |  |  | |
| 2. Phối hợp với các cơ sở Đoàn bạn, Đoàn tại địa bàn trú đóng | | **12** | - Liệt kê đơn vị, các nội dung phối hợp, kết quả thực hiện (4 điểm/ hoạt động, tối đa 8 điểm) |  |  |  | |
| **4. Công tác chỉ đạo (50 điểm)** | 1. Chấp hành chỉ đạo của Cấp Thành (25 điểm) | 1. Duy trì chế độ thông tin, báo cáo định kỳ | **10** | - Theo thống kê của Văn phòng |  |  |  | |
| 2. Tham gia các cuộc họp, hội nghị cấp Thành.  - Trường hợp vắng họp hoặc cử người đi thay phải có văn bản gởi Thường trực Thành Đoàn hoặc người chủ trì. | **5** | - Đầy đủ, nghiêm túc, đúng giờ, đúng thành phần (theo tổng hợp của các Ban và Văn phòng Thành Đoàn) |  |  |  | |
| 3. Đảm bảo lực lượng tham gia các hoạt động cấp Thành theo chỉ đạo | **5** | - Theo tổng hợp các Ban và Văn phòng Thành Đoàn |  |  |  | |
| 4. Đảm bảo tiến độ tổ chức Đại hội, Hội nghị Đoàn tại đơn vị và các đơn vị trực thuộc | **5** | - Đối với cấp trường: Theo thống kê của Ban Tổ chức Thành Đoàn (3 điểm)  - Đối với cơ sở Đoàn trực thuộc: Tỷ lệ đơn vị tổ chức Đại hội theo đúng tiến độ/tổng số đơn vị trực thuộc (2 điểm) |  |  |  | |
| 2. Đảm bảo duy trì hiệu quả công tác chỉ đạo cơ sở trực thuộc (10 điểm) | 1. Đảm bảo chỉ đạo cơ sở thực hiện các nội dung trọng tâm, định hướng cấp Thành | **5** | - Tuyến nội dung chỉ đạo cơ sở trọng tâm trong năm. |  |  |  | |
| 2. Đảm bảo nề nếp giao ban, chỉ đạo cơ sở | **5** | - Nêu rõ chế độ giao ban với cơ sở |  |  |  | |
| 3. Đánh giá hệ thống chỉ tiêu (15 điểm) | | **15** | - Đánh giá kết quả tham gia thực hiện một số chỉ tiêu cấp Thành theo Chương trình số 19-CTr/TĐTN-BTNTH: tối đa 5 điểm  - Kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu của đơn vị: 10 điểm (tính theo tỷ lệ % chỉ tiêu đạt) |  |  |  | |
| **V. ĐIỂM SÁNG TẠO  (100 điểm)** | 1. Mô hình cấp trường: 25 điểm/ mô hình được công nhận | | **100** | Đơn vị liệt kê theo biểu mẫu báo cáo đính kèm theo Hướng dẫn thi đua. Yêu cầu phải có ít nhất 01 mô hình/giải pháp (cấp Đoàn trường) của mỗi mảng công tác giáo dục, hoạt động phong trào và công tác xây dựng Đoàn.  - Nếu không có mô hình/giải pháp (cấp Đoàn trường) của 01 mảng: tối đa 80 điểm  - Nếu không có mô hình/giải pháp (cấp Đoàn trường) của 02 mảng: tối đa 60 điểm |  |  |  | |
| 2. Giải pháp hiệu quả cấp trường: 15 điểm/ giải pháp được công nhận | |  |  |  | |
| 3. Giải pháp cấp cơ sở: 08 điểm/giải pháp được công nhận | |  |  |  | |
| **Điểm thưởng** | | | **15** |  |  |  |  | |
|  | - Thưởng 05 điểm đối với đơn vị đạt danh hiệu xuất sắc dẫn đầu công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2017 - 2018 do Ban Thư ký Hội Sinh viên thành phố đánh giá | |  | - Liệt kê cụ thể các hoạt động |  |  |  | |
| - Thưởng 02 điểm đối với đơn vị có công trình thanh niên tiêu biểu được Ban Thường vụ Thành Đoàn công nhận trong năm học | |  |  |  | |
| - Các đơn vị đăng cai tổ chức các hoạt động cấp Thành hoặc thực hiện theo chỉ đạo đột xuất của cấp Thành (Riêng đối với Đoàn các trường thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh là đăng cai tổ chức tốt các hoạt động cấp Đại học Quốc gia); tham gia hỗ trợ nguồn lực tổ chức các hoạt động cấp Thành: 02 điểm/ hoạt động. Tối đa không quá 8 điểm. | |  |  |  | |
| - Tổng điểm thưởng (tối đa là 15 điểm) được cộng trực tiếp vào tổng điểm của đơn vị sau khi tự đánh giá. | |  |  |  | |
| **Điểm trừ** | | |  |  |  |  |  | |
|  | Tổng điểm trừ được tính trực tiếp vào tổng điểm của đơn vị sau khi tự đánh giá. Điểm trừ được tính khi đơn vị bị phê bình bằng văn bản. Đơn vị bị trừ 2 điểm cho mỗi lần bị phê bình bằng văn bản, trừ 1 điểm cho mỗi lần nhắc nhở bằng văn bản *(Không tính các nội dung phê bình, nhắc nhở đã được trừ điểm trực tiếp trong các nội dung chấm điểm trên)* | |  |  |  |  |  | |
| **TỔNG ĐIỂM** | | | **1000** |  |  |  |  | |